

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2020.

“V/v Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu *“Ly hôn và nuôi con chung”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đắk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đắk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 29/5/2004;

- Cháu Nguyễn Trọng Ngh, sinh ngày 08/3/2009;

Người đại diện hợp pháp của các cháu O, cháu Ngh: Chị Phạm Thị Nh – Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998 tôi và anh Nguyễn Tiến D lấy nhau trên tinh thần tình yêu tự nguyện, tiến bộ, không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau. Tuy nhiên cả hai không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì cả hai không còn được hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng tôi suốt ngày say xỉn và đánh đập vợ con, sự việc trên đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng anh D vẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Hai bên sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa tôi và anh Nguyễn Tiến D không phải là vợ chồng của nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống cả hai có với nhau 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1999 hiện nay cháu Tr đã có gia đình và ở riêng nên không đề cập giải quyết; Con thứ hai Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 29/5/2004 và con thứ ba Nguyễn Trọng Ngh, sinh ngày 08/3/2009 hiện nay các con đang ở với mẹ. Nguyên vọng của tôi xin được nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của vợ tôi là Phạm Thị Nh, anh D cho rằng trong cuộc sống gia đình do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn lại với nhau nhưng không được, cả hai sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay vợ tôi làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng, tuy nhiên hiện nay tôi vẫn còn thương vợ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống cả hai có với nhau 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1999 hiện nay đã có gia đình và ở riêng nên không đề cập giải quyết; Con Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 29/5/2004 và con Nguyễn Trọng Ngh, sinh ngày 08/3/2009 hiện nay các con đang ở với mẹ.

Nay các con đã lớn và nhận thức được sự việc nên các con ở với bố hay mẹ là do các con lựa chọn

Hiện nay các con đã lớn nên việc các con muốn ở với bố hay ở với mẹ là do các con quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức tuyên bố không công nhận giữa hai anh, chị là vợ chồng của nhau.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147 - BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; NGHỊ quyết 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh. Không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 29/5/2004 và Nguyễn Trọng Ngh, sinh ngày 08/3/2009 cho chị Phạm Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về cấp dưỡng: Do chị Nh không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000802, ngày 18/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ tại xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự trong vụ án, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định. Tòa án tiến hành phiên hòa giải cho các đương sự đoàn tụ nhưng không thành nên Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 04 tháng 8 năm 2020. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình; Bị đơn có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị Nh theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh D chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện tiến bộ nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống hai anh chị không được hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống một phần do anh D uống rượu và đánh đập vợ con nên hai anh chị thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức cuộc sống chung không thể kéo dài và tiếp tục. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai và tiến hành hòa giải cho chị Nh và anh D quay về đoàn tụ

và tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng chị Nh không đồng ý.

Do việc anh D và chị Nh chung sống với nhau không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy theo quy định của pháp luật anh D và chị Nh không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 53-Luật HN và GD năm 2014 *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Vì vậy trường hợp này Tòa án đưa vụ án ra xét xử để tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật HN và GD năm 2014.

Khoản 1 Điều 14 Luật HN và GD quy định về đăng ký kết hôn: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim O và Nguyễn Trọng Ngh cho chị Phạm Thị Nh trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng.

2. Giao con chung Nguyễn Thị Kim O và Nguyễn Trọng Ngh cho chị Phạm Thị Nh trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền chị Phạm Thị Nh đã nộp theo biên lai số 0000802, ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết bản án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Long Ca